

# VẤN ĐỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CƠ BẢN CHO NGHI PHẠM TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA HÌNH SỰ Ở TRUNG QUỐC

PGS. CÙU VĨNH THẮNG (QIU YONGSHENG)  
ThS. TRIỆU TỊNH (ZHAO JING)

## 1. Cơ sở pháp lí của sự bảo đảm nhân quyền trong giai đoạn điều tra hình sự ở Trung Quốc

Hiện nay, trong sự phát triển của cộng đồng quốc tế, vấn đề nhân quyền ngày càng được mọi người quan tâm. Khái niệm nhân quyền xuất hiện sớm nhất ở phương Tây, tư tưởng chính trị của Jean-Jacques Rousseau có ý nghĩa vượt thời đại đối với sự phát triển của tư tưởng chủ quyền và nhân quyền ở phương Tây. Lúc bấy giờ, trong tư tưởng “chủ quyền tại dân” của Jean-Jacques Rousseau bao hàm những tư tưởng giá trị hạt nhân hiện đại như tự do, nhân quyền, dân chủ và pháp trị. Năm 1789, khi bắt đầu cuộc đại cách mạng Pháp, Nghị viện đã thông qua Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền, chính thức sử dụng hai từ “nhân quyền” và đây là luận thuyết đầy đủ nhất, hệ thống nhất về khái niệm nhân quyền của loài người từ xưa tới nay.

Tuyên ngôn chỉ ra “nhân quyền là quyền tự nhiên không thể tước bỏ và là quyền thiêng liêng”, ngoài ra, Tuyên ngôn còn nêu ra các loại nhân quyền chủ yếu như: tự do nhân thân, không bắt bớ tùy tiện, không bị định tội tùy tiện... Giai cấp tư sản lúc bấy giờ đưa ra khẩu hiệu nhân quyền trong bối cảnh thời đại phản phong kiến, phản thần quyền, phản chuyên chế. Tiến trình lịch sử

của việc bảo vệ nhân quyền phát triển theo sự phát triển của thời đại, nó là quá trình phát triển từ quyền lợi công dân và quyền lợi chính trị phát triển đến các nhân quyền tập thể như: quyền lợi kinh tế, quyền lợi xã hội và văn hóa, rồi đến quyền tự quyết dân tộc, quyền sinh tồn và quyền phát triển.<sup>(1)</sup> Cùng với sự tiến bộ không ngừng của xã hội, nhân quyền dần dần được xác lập là để bảo vệ quyền lợi của nhân dân trên toàn thế giới. Sau Đại chiến thế giới lần thứ II, khái niệm nhân quyền phong phú hơn, quan niệm nhân quyền cũng được phổ biến rộng rãi đến tất cả các nước trên thế giới. Cộng đồng quốc tế cũng đã cho ra đời nhiều văn kiện quan trọng như: Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 (các điều khoản về bảo đảm nhân quyền như: lời mở đầu, khoản 3 Điều 1, Điều 55, Điều 56, khoản 2 Điều 62, Điều 68, Điều 76), Tuyên ngôn nhân quyền thế giới năm 1948, Công ước quốc tế về quyền kinh tế, văn hóa, xã hội năm 1966 và Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị năm 1966. Những văn kiện này đã có ảnh hưởng sâu sắc trong công cuộc xây dựng nhân quyền của các nước trên thế giới. Quyền công dân, quyền chính trị, quyền kinh tế, văn hóa-xã hội là nội

\* Khoa luật  
Trường Đại học tổng hợp Vân Nam Trung Quốc

dung cơ bản của nhân quyền. Hiến pháp Trung Quốc cũng đã xác nhận, bảo vệ các quyền cơ bản này. Năm 1997 và 1998, Chính phủ Trung Quốc đã lần lượt kí các văn bản như: Công ước quốc tế về quyền kinh tế, văn hóa-xã hội, Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị. Công ước quốc tế về quyền kinh tế, văn hóa-xã hội được Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc phê chuẩn và có hiệu lực từ ngày 28/2/2001.

Quyền lợi và yêu cầu cơ bản nhất của con người là thực hiện những mục tiêu giá trị như: tự do, bình đẳng, an toàn và hạnh phúc. Nhà tư tưởng nước Anh John Locke chỉ ra rằng: "*Mục đích của luật pháp không phải là loại bỏ và hạn chế tự do, mà là bảo vệ và phát triển tự do*".<sup>(2)</sup> Điều đó có nghĩa tự do là điểm xuất phát và là cái đích đạt tới của luật pháp. Vấn đề bảo đảm nhân quyền của Trung Quốc ngày càng được coi trọng. Hiến pháp nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 2004 đã sửa Điều 33, thêm quy định: "*Nhà nước tôn trọng và bảo đảm nhân quyền*". "*Nhân quyền nhập hiến*" (vấn đề nhân quyền được đưa vào hiến pháp) trở thành tiêu chí mới trong tiến trình phát triển sự nghiệp bảo đảm nhân quyền của Trung Quốc, cung cấp hành lang pháp lí cho bảo đảm nhân quyền trong giai đoạn điều tra hình sự ở Trung Quốc. Điều này đã thể hiện rõ Trung Quốc sẽ hội nhập vào sự phát triển sự nghiệp nhân quyền quốc tế. Trung Quốc đang ra sức cải thiện tình trạng nhân quyền trong nước. Ngày 13/4/2009, Văn phòng thông tin Quốc vụ viện nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã công bố "Kế hoạch hành động nhân quyền

quốc gia năm 2009 - 2010", trong đó có đề cập quyền của người bị giam giữ như: hoàn thiện pháp luật về quản lí và giám sát, áp dụng biện pháp hữu hiệu, bảo đảm quyền lợi cho người bị tạm giam và đả ngộ nhân đạo.

Trung Quốc có câu "*nhân quyền tiến tắc pháp trị hưng, nhân quyền trệ tắc pháp trị suy, bách thế bất di*"<sup>(3)</sup> (tức là khi nhân quyền phát triển thì chế độ pháp trị cũng phát triển, còn khi nhân quyền trì trệ thì chế độ pháp trị cũng suy yếu theo. Đó là chân lí ngàn năm không thay đổi - ND). Sự tiến bộ và phát triển của pháp trị có liên quan mật thiết đến sự phát triển và tiến bộ của nhân quyền. Biện pháp cơ bản nhất và quan trọng nhất để thực hiện bảo đảm nhân quyền chính là pháp trị. Bảo đảm nhân quyền là trọng tâm để xây dựng chế độ pháp trị Trung Quốc. Không có luật pháp thì việc xác nhận và bảo vệ nhân quyền không được thực sự thực hiện, như vậy nhân quyền sẽ có nguy cơ bị xâm hại và sự nghiệp bảo vệ nhân quyền sẽ trở thành hình thức.

Sau 30 năm nỗ lực xây dựng chế độ pháp trị, Trung Quốc đã đạt được những phát triển to lớn. Đồng thời cũng xuất hiện những nhân tố không hài hòa. Điều này khiến chúng ta phải suy nghĩ. Vì sao đã có Hiến pháp, pháp trị, nhân quyền mà vẫn còn xuất hiện những nhân tố không hài hòa trong xã hội? Không những thế, những nhân tố này vẫn không ngừng lan rộng trong xã hội? Nhìn lại việc xây dựng pháp trị của Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy việc phát triển nhân quyền, việc xây dựng pháp trị và sự tồn tại của Hiến pháp đều là những điều kiện cần thiết của nhà nước

chính trị hiến pháp. Có hiến pháp chưa chắc đã là nhà nước chính trị hiến pháp. Từ luật hiến pháp đến chính trị hiến pháp là quá trình hiến pháp từ trong sách vở đến hiến pháp “trong hành động”, từ hiến pháp trong “trạng thái ứng nhiên” đến hiến pháp trong “trạng thái thực nhiên”, đặc trưng cơ bản của nó là quyền hạn chế và quyền không chế. Quan hệ logic của hai quyền này là: “*Quyền hạn chế là quyền ở trạng thái tĩnh, còn quyền không chế là quyền ở trạng thái động; quyền hạn chế là tiền đề, còn quyền không chế là mục tiêu. Mục đích của việc làm đó là để đưa quyền lực nhà nước vào phạm vi chi phối của luật hiến pháp, chỉ có như thế quyền hạn chế mới có ý nghĩa, mới có thể đạt được mục đích của quyền không chế, từ đó mới có thể thực hiện chính trị hiến pháp. Nếu chỉ có quyền hạn chế mà không có quyền không chế thì không thể thực hiện được sự cân bằng giữa các quyền lực, cũng sẽ không thể thực hiện được chính trị hiến pháp*”.<sup>(4)</sup> Rất nhiều nước trên thế giới đều đã ban bố hiến pháp nhưng nhà nước thực thi chính trị hiến pháp lại không hề nhiều. Năm 1999, Trung Quốc đưa “trị quốc bằng luật, xây dựng nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa” vào trong quy định của hiến pháp. Điều đó thể hiện việc xây dựng nhà nước pháp trị Trung Quốc tất nhiên phải đi theo con đường chính trị hiến pháp. Bởi vì đây chính là con đường tất yếu để xây dựng pháp trị xã hội chủ nghĩa.

Đặc điểm pháp trị chính là dùng quyền lực không chế quyền lực. Nhà tư tưởng Pháp Baron de Montesquieu (1689 - 1755) đã từng nói: “*Tất cả những người có quyền lực đều*

*ễ dàng lạm dụng quyền lực, đó là chân lý ngàn năm không thay đổi. Tất cả những người có quyền lực đều sử dụng quyền lực đến tận giới hạn của nó mới chịu dừng*”.<sup>(5)</sup>

Trong quá trình điều tra hình sự, địa vị giữa cơ quan điều tra hình sự đại diện quyền lực nhà nước với địa vị của nghi phạm có một khoảng cách tương đối lớn. Vậy trên con đường xây dựng nhà nước chính hiến, chúng ta phải dựa vào luật pháp hạn chế quyền lực nhà nước, bảo đảm đầy đủ quyền lợi công dân mới có thể giảm thiểu được các vụ án xâm phạm nhân quyền xuất hiện trong quá trình lập pháp và hành pháp. Từ đó có thể tránh được những vụ án oan, sai. Hiện nay giới lí luận cơ bản quy tính chất của quyền điều tra vào quyền hành chính, quyền điều tra là là một loại quyền lực mang tính chủ động chứ không phải là loại quyền mang tính tiêu cực và bị động của quyền tư pháp để mà coi nó là một loại quyền hành chính.<sup>(6)</sup> Chính vì vậy, tính chất này của quyền điều tra đã quyết định tính tất yếu phải tiến hành bảo đảm nhân quyền trong quá trình điều tra, tức là bảo vệ các quyền cơ bản như quyền sống, quyền tự do, quyền được bảo vệ sức khoẻ, quyền riêng tư và quyền tài sản của nghi phạm.

Trong giai đoạn điều tra hình sự, bảo đảm nhân quyền cho nghi phạm là cơ sở của quan niệm “y pháp trị quốc, chấp pháp vì dân” (có nghĩa là điều hành đất nước bằng pháp luật, thi hành luật vì lợi ích của nhân dân), là tiêu chí quan trọng đánh giá trình độ phát triển nhân quyền của quốc gia, là bộ phận cấu thành quan trọng của xây dựng nền chính trị hiến pháp Trung Quốc.

## 2. Những vấn đề tồn tại của việc bảo đảm nhân quyền cho các nghi phạm trong trình tự điều tra hình sự ở Trung Quốc

### 2.1. Quyền tố tụng mà nghi phạm đang được hưởng vẫn chưa được bảo đảm

Điều 93 Luật tố tụng hình sự Trung Quốc quy định: "... nghi phạm phải trả lời trung thực các câu hỏi của nhân viên điều tra. Nhưng đối với các vấn đề không liên quan đến vụ án thì có quyền từ chối không trả lời". Thực chất quy định này đã tước đi quyền được im lặng của nghi phạm, tức là quyền tự do tường thuật lại sự việc một cách tự nguyện bị tước bỏ. Trường hợp khi bị nhân viên điều tra bức cung, nghi phạm càng không có quyền không trả lời câu hỏi, vì vậy đã xảy ra các vụ án tương tự như vụ Đỗ Bồi Vũ ở Côn Minh năm 1998. Sau năm 1996, Luật tố tụng hình sự đã quy định thời gian luật sư được tham gia trong giai đoạn tố tụng hình sự đã được đẩy lên sớm hơn nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để vấn đề chế độ biện hộ của nghi phạm trong trình tự điều tra hình sự. Luật tố tụng hình sự vẫn nhấn mạnh thái quá về quyền của cơ quan điều tra xét hỏi, như vậy, hậu quả càng uy hiếp đến quyền của các nghi phạm. Một trong những cấu tạo cơ bản của tố tụng hình sự chính là sự bình đẳng về vai trò của công tố viên và luật sư bào chữa. Thế chế tư pháp hiện hành của Trung Quốc đã quyết định thể chế điều tra "chủ nghĩa chức quyền" do cơ quan điều tra tiến hành truy tố đối với nghi phạm. Đứng trước cơ quan điều tra với hậu thuẫn là nhà nước, vị thế của nghi phạm thật quá nhỏ bé nếu không có sự bảo đảm về cơ chế tư pháp.

### 2.2. Chưa thực hiện tốt quy định về thời hạn tạm giam

Điều 75 Luật tố tụng hình sự quy định: "Khi tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân hoặc cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp cưỡng chế vượt quá thời hạn pháp định thì những người như: nghi phạm, bị cáo và người đại diện pháp định của họ, họ hàng gần gũi, luật sư và người biện hộ do bị cáo ủy thác có quyền yêu cầu xóa bỏ các biện pháp cưỡng chế đó..." Trung Quốc có rất nhiều biện pháp cưỡng chế hình sự như: xét hỏi, bảo lãnh hoặc bắt giam. Trong thực tiễn tư pháp, hiện tượng tạm giam vượt quá thời gian quy định thường rất phổ biến, phần lớn nghi phạm trước khi bị tòa xét xử đều bị tạm giam. Đối với các vụ án thông thường nhưng có những yếu tố phức tạp thì trong khi điều tra cũng thường xuất hiện hiện tượng tạm giam quá thời hạn, nói gi đến các vụ trọng án như cướp của, hiếp dâm, giết người... thì tự do nhân thân của nghi phạm càng bị hạn chế. Do pháp luật đã quy định tình trạng kéo dài thời gian tạm giam, vì thế cho nên cơ quan điều tra trước khi phá án thường áp dụng biện pháp kéo dài thời gian tạm giam, làm các thủ tục giam giữ hoặc bắt bớ. Xem ra vấn đề tạm giam quá thời hạn cần phải được giải quyết. Nhưng vấn đề ở chỗ Luật tố tụng hình sự đã quy định những quyền mà nghi phạm được hưởng nhưng lại không có những biện pháp bên vực thích hợp, "có quyền lợi ắt phải có sự bên vực", điều này vẫn chưa thực sự được thực hiện trong vấn đề tạm giam vượt quá thời gian.

### 2.3. Cơ quan điều tra lạm dụng quyền điều tra

Quyền điều tra là quyền thực thi công tác điều tra và các biện pháp cưỡng chế khác của cơ quan công an, cơ quan kiểm sát. Căn cứ vào quy định của pháp luật, cơ quan công an và các cơ quan điều tra khác (như cơ quan kiểm sát, cơ quan quân sự) là các cơ quan điều tra theo luật định có quyền điều tra. Khi thực hiện quyền điều tra của mình, cơ quan công an thường áp dụng các biện pháp cưỡng chế để hạn chế hoặc tước bỏ quyền tự do nhân thân của công dân, quyền tài sản của công dân, vì vậy, dưới cơ chế giám sát kém hiệu quả, quyền và lợi ích của nghi phạm rất dễ bị xâm phạm.

Trong giai đoạn hiện nay, việc giám sát quyền điều tra của cơ quan công an chủ yếu là sự giám sát của lãnh đạo cấp trên trong nội bộ cơ quan và giám sát của cơ quan kiểm sát. Việc giám sát của lãnh đạo cấp trên trong nội bộ cơ quan công an chủ yếu là khi kí lệnh khám xét, giấy tờ thế chấp và các loại giấy tờ khác. Tuy nội bộ cơ quan điều tra có các ban kỉ luật và ban giám sát nhưng đề cập vấn đề bảo đảm nhân quyền của công dân thì vai trò giám sát của nội bộ cơ quan điều tra lại rất yếu. Lúc này việc bảo đảm nhân quyền cho nghi phạm rất khó thực hiện. Giám sát của cơ quan kiểm sát tương đương với giám sát nội bộ cơ quan điều tra, là loại giám sát bên ngoài. Chẳng hạn như khi cơ quan công an bắt nghi phạm, cơ quan kiểm sát có quyền quyết định có phê chuẩn bắt hay không; khi cơ quan công an kết thúc điều tra, cơ quan kiểm sát quyết định có khởi tố hay không; đối với những vụ án không đủ chứng cứ, cơ quan kiểm sát có quyền trả về cho cơ quan điều tra

để điều tra bổ sung; đối với việc trình báo nghi phạm, cơ quan kiểm sát có quyền đề xuất ý kiến với cơ quan điều tra. Nhưng chúng ta cần phải thấy rõ: cơ quan kiểm sát và cơ quan điều tra đều là cơ quan công tố. Trong những vụ án quốc tế, trên thực tế, quyền giám sát của cơ quan kiểm sát không những không được thể hiện, ngược lại còn trở thành trợ thủ đắc lực của cơ quan công an (chẳng hạn vụ án hiến thân ở Hồ Nam). Đối với những vụ án cơ quan kiểm sát tự điều tra thì càng khó bảo đảm nhân quyền. Trong những vụ án này, ý kiến của cơ quan kiểm sát luôn đúng. Trong điều kiện như vậy mà lại muốn bảo đảm nhân quyền, bảo đảm công bằng chính nghĩa cho quyền điều tra thì thật là điều vô cùng xa xỉ và hiển nhiên nhân quyền của nghi phạm sẽ bị xâm hại, khó có cách nào bênh vực (hiện nay, ở Trung Quốc trong giai đoạn điều tra thẩm phán không có quyền).

### 2.4. Trong giai đoạn điều tra hình sự, quyền của luật sư bị hạn chế

Khoản 1 Điều 96 Luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: “*Nghi phạm sau khi bị cơ quan điều tra thẩm tra lần thứ nhất hoặc từ ngày áp dụng các biện pháp cưỡng chế, có thể mời luật sư tư vấn pháp luật cho mình, đại diện khiếu nại, kháng cáo. Luật sư do nghi phạm sau khi bị bắt mời đến có thể bảo lãnh cho nghi phạm.*” Về điểm này, pháp luật quy định luật sư có thể nhận sự ủy thác của nghi phạm trong giai đoạn điều tra hình sự, tham dự vào hoạt động điều tra nhưng trên thực tế trong giai đoạn này luật sư không có quyền biện hộ thực sự. Vì vậy, quyền vốn do luật sư thực hiện như quyền điều tra lấy chứng cứ

thì lại không được thực hiện. Bởi vì cơ quan điều tra thường chỉ thu thập chứng cứ kết tội nghi phạm, ít khi chủ động thu thập chứng cứ chứng minh vô tội hoặc giảm nhẹ tội cho nghi phạm, nghi phạm muốn chứng minh mình phạm tội nhẹ hoặc vô tội, biện pháp duy nhất là mời luật sư giúp đỡ. Luật sư tuy có thể tham gia vào giai đoạn điều tra nhưng do không có quyền lấy chứng cứ điều tra nên việc luật sư tham gia vào hoạt động điều tra giai đoạn điều tra hình sự không phát huy được vai trò bảo vệ nhân quyền cho nghi phạm.

Khoản 2 Điều 96 Luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định: *"Luật sư được ủy thác có quyền tìm hiểu từ cơ quan điều tra các tội danh liên quan của nghi phạm, có thể tiếp xúc với nghi phạm đang bị tạm giam để tìm hiểu tình hình liên quan đến vụ án. Trong khi luật sư tiếp xúc với nghi phạm đang bị tạm giam, cơ quan điều tra căn cứ vào tình hình vụ án có thể cử người cùng tham gia. Đối với những vụ án có liên quan đến bí mật quốc gia, luật sư muốn tiếp xúc với nghi phạm đang bị tạm giam cần phải được sự phê duyệt của cơ quan điều tra"*. Luật sư tham gia vào hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra đã bị hạn chế nghiêm ngặt, phạm vi họ có thể tham dự cũng rất hẹp. Chẳng hạn như khi luật sư yêu cầu được tiếp xúc với nghi phạm trong giai đoạn điều tra, nhân viên điều tra có quyền có mặt và quyền phê duyệt đối với những vụ án có liên quan đến cơ mật quốc gia. Vì vậy nhân viên điều tra có thể viện mọi lí do để từ chối luật sư tham dự vào hoạt động điều tra, hoặc với các lí do khác như thời gian, số lần để gây khó dễ cho luật sư thực hiện quyền của mình, khiến

luật sư không thể tìm hiểu được tình hình vụ án và quyền của nghi phạm không nhận được sự trợ giúp của pháp luật.

### **3. Chính sách bảo vệ nhân quyền trong trình tự điều tra hình sự của Trung Quốc**

#### *3.1. Hoàn thiện quy định giam giữ*

Thẩm phán nổi tiếng của Mỹ Wendell Holmes Oliver từng nói: *"Nếu đem so sánh hành vi bỏ trốn của tội phạm với các hành vi làm trái pháp luật của chính quyền, thì hậu quả do hành vi bỏ trốn của bọn tội phạm nhẹ hơn rất nhiều"*. Chính vì thế cần phải coi trọng vấn đề bảo vệ nhân quyền cho các nghi phạm trong quá trình tố tụng hình sự. Để làm được điều này cần phải bắt đầu ngay từ việc xem xét chặt chẽ trình tự bắt giam, đồng thời thay đổi thời gian tạm giam quá dài đối với các nghi phạm.<sup>(7)</sup> Hiện nay, quy định về thời gian giam giữ trong Luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và trong Quy định liên bộ không thống nhất, do áp dụng các khung hình phạt khác nhau đối với từng loại hình phạm tội khác nhau. Thời gian tạm giữ chỉ kéo dài trong vòng 3 ngày kể từ ngày bị bắt, lệnh bắt giam phải do viện kiểm sát nhân dân phê chuẩn; trường hợp đặc biệt, có thể kéo dài thời gian tạm giữ thêm từ 1 đến 4 ngày; đối với các nghi phạm phạm tội liên quan đến một số tội như: trốn trại, nhiều lần gây án, kết bè đảng thì có thể đề nghị viện kiểm sát phê chuẩn kéo dài thời gian tạm giữ lên 30 ngày. Trong vòng 7 ngày sau khi nhận được lệnh đề nghị bắt tạm giam của cơ quan công an, viện kiểm sát nhân dân phải ra quyết định bắt hoặc không bắt đối với nghi phạm. Như vậy, thời gian thông thường bị tạm giam ngắn nhất là 14 ngày, thời gian dài nhất có thể lên tới 37 ngày. Bên cạnh

đó, thời gian tạm giam đối với các đối tượng bị tình nghi không được quá 60 ngày, thời gian giam giữ dài nhất có thể lên tới 7 tháng.<sup>(8)</sup> Trong một số trường hợp đặc biệt, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Ủy ban thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc xem xét kéo dài thời gian xét xử. Luật hình sự của Trung Quốc đã tiếp thu tinh thần của nguyên tắc giá định vô tội, chính vì thế, trong thực tiễn hành pháp chúng ta có thể tiến hành phân loại các trường hợp phạm tội, đồng thời qua đó rút ngắn thời gian giam giữ, giảm thiểu thời gian giam giữ không cần thiết. Những năm gần đây, do hiện tượng thời gian giam giữ vượt quá quy định ngày càng nghiêm trọng, Thông tư liên bộ giữa Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ công an ngày 12/11/2003 về việc nghiêm chỉnh chấp hành luật tố tụng hình sự, thiết thực hạn chế gia hạn thời gian tạm giam đã đề xuất một loạt các giải pháp nhằm giải quyết gia hạn thời gian tạm giam. Ví dụ như: phê chuẩn việc áp dụng linh hoạt Luật tố tụng hình sự liên quan đến quy định bảo lưu thời gian hậu thẩm, kiểm tra nơi cư trú; kiên quyết sử dụng pháp luật tiến hành xét xử đúng người đúng tội; nghiêm túc chấp hành đồng thời truy cứu trách nhiệm khi để vượt quá thời hạn tạm giam v.v.. Mặc dù vậy, vẫn chưa có chế độ đền bù hợp lý đối với quyền lợi của các nghi phạm, điều này cho thấy quy định này vẫn chưa được hoàn thiện. Vì vậy, căn cứ vào tình hình hiện nay, mặc dù một số bộ ngành đã ban hành văn bản về việc giám sát tạm thời, song điều quan trọng hơn đó chính là xây dựng một bộ luật bảo đảm chế độ trợ giúp, bảo vệ nhân quyền, đó mới là vấn đề thiết thực nhất hiện nay.

### *3.2. Tăng cường kiểm soát quyền điều tra, hoàn thiện cơ chế điều tra*

Do cơ cấu trình tự điều tra không hợp lý nên quyền hạn điều tra rất rộng đồng thời việc thiết lập giám sát quyền điều tra không khoa học, khiến cho khi quyền lợi của nghi phạm hình sự bị xâm hại nghiêm trọng, không có những phương thức đền bù hiệu quả. Điều này khiến công tác đảm bảo quyền cơ bản cho nghi phạm hình sự trở thành lời nói suông, vô hình chung đã dung túng cho cơ quan công an, khiến họ trong nhiều trường hợp biết là sai nhưng vẫn làm.<sup>(9)</sup> Hiện nay, mặc dù hoạt động điều tra có thể được cơ quan kiểm sát giám sát, tuy nhiên ngay cả cơ quan được giao trách nhiệm giám sát pháp luật cũng có quyền phê chuẩn lệnh bắt giam, tạm giam, khiến cho thực tiễn tư pháp Trung Quốc xuất hiện nhiều hiện tượng xâm hại đến quyền lợi của nghi phạm như: bức cung, kéo dài thời gian tạm giữ, tạm giam v.v.. Vấn đề này có liên quan mật thiết đến việc Trung Quốc thiếu sự kiểm soát tư pháp đối với quyền điều tra. Vì thế, phải hoàn thiện cơ chế giám sát trong giai đoạn điều tra. Cơ quan điều tra từng thực hiện chế độ “tách riêng điều tra và dự thẩm”, ưu điểm của chế độ này là có cơ chế “kiểm định”. Thế nhưng, hiện nay sau khi ghép cả hai quá trình đó lại, mặc dù hiệu quả công việc có được nâng cao song trên thực tế hiệu quả đó vẫn chưa được như mong muốn. Ví dụ, quyền tố tụng của nghi phạm hình sự thường bị từ chối, hiện tượng tạm giam quá thời hạn vẫn xảy ra. Nếu điều tra và dự thẩm tách riêng ra thì việc bảo vệ nhân quyền cho nghi phạm hình sự sẽ được mở rộng hơn. Trước mắt, sự phân tách rạch ròi này không mang

lại hiệu quả nhanh chóng như khi thực hiện chế độ điều tra và dự thẩm hợp nhất. Nhưng xét về lợi ích lâu dài thì phương thức này sẽ khiến cho quyền lợi của nghi phạm được đảm bảo thực sự. Chính vì vậy, cho dù hiện nay Trung Quốc đang áp dụng chế độ hợp nhất giữa điều tra và dự thẩm song cơ chế bảo vệ nhân quyền vẫn không thể giám sát, áp dụng chế độ thẩm tra tư pháp trở thành vấn đề tất yếu. Nói như vậy cũng có nghĩa là tòa án sẽ can thiệp vào quá trình điều tra, tiến hành không chế kiểm soát phương thức điều tra, đồng thời tiến hành đốc thúc công tác điều tra.

### 3.3. *Đảm bảo quyền trợ giúp của luật sư đối với nghi phạm trong quá trình điều tra hình sự*

Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về quyền chính trị và dân sự coi quyền được nhận sự giúp đỡ của luật sư là một trong những quyền quan trọng nhất mà nghi phạm hình sự được hưởng. “Luật Mirada” nổi tiếng của Mỹ quy định: “Chỉ khi có mặt luật sư thì mới tiến hành thẩm vấn nghi phạm. Không có mặt luật sư thì không được thẩm vấn nghi phạm. Tuy nghi phạm lúc đầu từ bỏ quyền trợ giúp của luật sư nhưng trong khi thẩm vấn lại muốn sự có mặt của luật sư thì cuộc thẩm vấn phải dừng lại ngay và chỉ có thể tiếp tục khi luật sư của nghi phạm có mặt”. Trong thời gian nghi phạm bị tiến hành thẩm vấn, sự có mặt của luật sư có thể ngăn chặn nhân viên điều tra bức cung hoặc áp dụng một số thủ đoạn phi pháp đối với quyền lợi nhân thân, quyền tài sản của nghi phạm, ngoài ra luật sư còn có nhiệm vụ bảo vệ các quyền lợi cơ bản khác của thân chủ.<sup>(10)</sup> Hiện nay, vấn đề mà đại đa số các luật sư Trung Quốc đều gặp phải trong khi làm việc là: “khó gặp mặt”,

“khó xem lời khai”, “khó thu thập chứng cứ điều tra”. Điều 33 Luật luật sư, sửa đổi, bổ sung năm 2007 của Trung Quốc quy định: “Sau khi nghi phạm bị cơ quan điều tra tiến hành thẩm vấn lần thứ nhất hoặc áp dụng các biện pháp cưỡng chế, luật sư được ủy thác sử dụng chứng chỉ hành nghề, giấy xác nhận của văn phòng luật sư, giáp ủy quyền hoặc công văn trợ giúp pháp luật thì có thể gặp mặt nghi phạm, bị cáo đồng thời có quyền tìm hiểu những vấn đề có liên quan đến vụ án. Khi gặp gỡ các nghi phạm, bị cáo thì không bị cơ quan điều tra tiến hành nghe lén”. Về mặt cơ chế, đã giải quyết được vấn đề “gặp mặt”, chỉ khi thực sự bảo đảm quyền gặp gỡ nghi phạm cho luật sư thì quyền lợi của nghi phạm mới có thể được thực sự đảm bảo. Để đảm bảo hơn nữa quyền hạn của luật sư, Điều 34 Luật luật sư quy định: “Kể từ ngày khởi tố vụ án, luật sư được ủy quyền có quyền đọc, sao chép, photo các tài liệu tố tụng và các ghi chép của vụ án. Kể từ ngày tòa án nhân dân thụ lý vụ án, luật sư được ủy quyền có quyền đọc, sao chép và photo đối với tất cả các tài liệu có liên quan đến vụ án”. Luật tố tụng hình sự đã quy định quyền thu thập chứng cứ điều tra của luật sư, tuy nhiên hiện nay quyền hạn này của luật sư trong quá trình điều tra vẫn chỉ nằm ở “trạng thái tĩnh”; Luật tố tụng hình sự thiết lập rất nhiều “rào cản” đối với quyền thu thập chứng cứ điều tra của luật sư, ví dụ như muốn thực hiện quyền đó, luật sư nhất định phải được sự đồng ý cho phép của người bị hại hoặc thân nhân gần nhất của người bị hại, phải được sự cho phép của viện kiểm sát nhân dân hoặc tòa án nhân dân v.v.. Trong tình hình đó, cho dù luật sư đang tiến hành hoạt



động tố tụng của giai đoạn điều tra song không có “quyền chủ động” thu thập chứng cứ, điều này cũng có nghĩa là quyền lợi của nghi phạm không được bảo đảm. Trong thực tiễn tư pháp, chỉ khi có thể giao cho luật sư “quyền chủ động” thu thập chứng cứ điều tra thì khi đó mới khiến luật sư tích cực, chủ động điều tra thu thập chứng cứ nhằm bảo đảm quyền lợi cơ bản cho nghi phạm. Trong thực tiễn cuộc sống, khi Luật tố tụng hình sự và Luật luật sư có sự xung đột, thông thường chúng ta sẽ căn cứ theo vị trí cao thấp của chủ thể luật mà tiến hành lựa chọn Luật tố tụng hình sự, tuy nhiên, như vậy thì quyền lợi của luật sư trong Luật luật sư không được bảo đảm đầy đủ. Trên thực tế, trong quá trình điều tra hình sự, chỉ khi quyền lợi của luật sư được bảo đảm thực sự thì khi đó quyền lợi của nghi phạm mới được đảm bảo thực sự.

### 3.4. Xây dựng quy chế loại bỏ chứng cứ phi pháp

Điều 43 Luật tố tụng hình sự quy định: “Nghiêm cấm dùng các thu đoạn tra tấn, bức cung, dụ dỗ, lừa gạt và những thu đoạn phi pháp khác để tiến hành thu thập chứng cứ”. Điều 61 trong “Giải thích của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề liên quan đến Luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” quy định: “Nghiêm cấm sử dụng mọi thu đoạn phi pháp để tiến hành thu thập chứng cứ. Tất cả những chứng cứ đã qua kiểm tra cho thấy có sự bức cung, uy hiếp, dụ dỗ, lừa gạt... đều không có giá trị”.

(Xem tiếp trang 56)

(1).Xem: Giang Quốc Thanh, *Án đề pháp luật quốc tế đối diện biến động*, Nxb. Pháp luật Bắc Kinh, 2002, tr. 73, 74.

(2).Xem: Lạc Khắc – Anh, *Chính phủ luận*. Nxb. Thương vụ Bắc Kinh, 2008, tr. 35.

(3).Xem: Từ Hiến Minh, *Nghiên cứu nhân quyền*, Nxb. Nhân dân Sơn Đông, 2002, tr. 47.

(4).Xem: Tường Đức Hải, “Xây dựng nhân quyền chính trị trong tiến trình hiện đại hóa chính trị Trung Quốc”, đăng trong *Bình luận về luật nhân quyền*, quyền 2, Nxb. Đại học Bắc Kinh, 2007, tr. 56.

(5).Xem: Baron de Montesquieu, *Bản về tinh thần của luật*, tập 1, Nxb. Thương vụ (Trung Quốc), 1961, tr. 154.

(6).Xem: Vạn Nghị, *Trình tự trình sát*, Nxb. Công an nhân dân Trung Quốc, 2006, tr. 72.

(7).Xem: Bành Húc Huy, Trần Hiếu Văn, “Bản về bảo vệ quyền lợi của nghi phạm, bị cáo trong luật tố tụng hình sự”, báo Học viện quản lý cán bộ hành chính tỉnh Hồ Nam, tr. 88, kì 5 quyển 17 tháng 10 năm 2001.

(8). Điều 124 Luật tố tụng hình sự quy định: “Kì hạn tạm giam bổ sung đối với nghi phạm sau khi bị bắt có thể kéo dài 2 tháng. Đối với vụ án phức tạp, nếu như hết thời hạn tạm giam mà chưa thể phá án thì có thể đề nghị viện kiểm sát trên một cấp phê chuẩn kéo dài thời gian thêm 1 tháng”. Điều 126 quy định: “Trong một số vụ án sau, nếu như hết thời hạn tạm giam theo quy định tại Điều 124 mà vụ án vẫn chưa thể phá thì có thể thông qua sự phê chuẩn của viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc để kéo dài thời gian tạm giam thêm 2 tháng: (1) Các vụ án phức tạp tại vùng sâu vùng xa do giao thông không thuận tiện; (2) Các vụ án liên quan đến các tập đoàn tội phạm lớn; (3) Các vụ án phức tạp liên quan đến chạy trốn; (4) Phạm tội với nhiều tội danh, quá trình thu thập chứng cứ khó khăn”. Điều 127 quy định: “Đối với nghi phạm có thể tiến hành tuyên án 10 năm tù, nếu hết thời gian tạm giam theo quy định Điều 126 mà vụ án vẫn chưa được phá, có thể kéo dài thời gian tạm giam thêm 2 tháng nhưng phải được viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc phê chuẩn hoặc quyết định”.

(9).Xem: Hoàng Tuệ Tuệ, “Bản về bảo đảm nhân quyền của nghi phạm trong giai đoạn điều tra hình sự”, báo Viện quản lý cán bộ Quảng Tây, kì 6 quyển 23 tháng 11 năm 2008.

(10).Xem: Hoàng Tuệ Tuệ, “Bản về bảo đảm quyền của nghi phạm trong giai đoạn điều tra hình sự Trung Quốc”, tldd, tr. 63, 64.

quyền con người, trước hết là quyền trẻ em.

11. Trong hình thức, phương pháp giáo dục quyền con người cần chú ý tới các yếu tố truyền thống, văn hoá, các đặc điểm của địa phương.

12. Giáo dục quyền con người gắn với giáo dục đạo đức, ý thức trách nhiệm của người công dân, niềm tự hào dân tộc và tình yêu tổ quốc./.

(1). Deutsches Institut für Menschenrechte (Herausgeber), Heiner Bielefeldt/Oliver Trisch (Autoren), Unterrichtsmaterialien zur Menschenrechtsbildung, Ausgabe 1, Juli 2006, tr. 5.

(2). Xem: Lothar Müller, Menschenrechtserziehung an Schule und Hochschule, in: Arbeitsgemeinschaft Menschenrechte an der Universität Trier, Occasional Paper Nr. 6, Juni 2002, tr. 7 - 8.

(3). Anja Mihr, Menschenrechtserziehung und Nichtregierungsorganisationen, in: MenschenRechts Magazin 122 Heft 3/2002, tr. 121.

(4). UNESCO, Recommendation concerning education for international understanding, co-operation and peace and education relating to human rights and fundamental freedoms adopted by the General Conference at its eighteenth session, Paris, 19 November 1974.

(5). Xem: *Các văn kiện quốc tế về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 63.

(6). Xem: Nghị quyết của nhóm làm việc cấp Liên bang về quyền con người của Đảng CDU của Đức dưới sự lãnh đạo nhóm của Hermann Gröhe ngày 26/6/2001.

(7). Xem: [http://www.unescobayern.de/paedarbeit\\_menschen\\_rechte.htm](http://www.unescobayern.de/paedarbeit_menschen_rechte.htm).

(8). Xem: Anja Mihr, Tlidd, tr. 122 - 127.

(9). Deutsches Institut für Menschenrechte (Herausgeber), Tlidd, tr. 5.

(10). Xem: Nghị quyết của nhóm làm việc cấp Liên bang về quyền con người của Đảng CDU của Đức dưới sự lãnh đạo nhóm của Hermann Gröhe ngày 26/6/2001.

## **VẤN ĐỀ BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI CƠ BẢN CHO... (tiếp theo trang 72)**

Đối với vấn đề loại bỏ chứng cứ phi pháp, ở trên chúng tôi đã trình bày tinh thần cơ bản song xét về mặt phạm vi hoặc tính quyền uy, so với quy định của một số nước trên thế giới thì rõ ràng chúng ta thấy rằng quy định này của Trung Quốc còn bộc lộ nhiều vấn đề. Chứng cứ phi pháp nói một cách khác dùng để chỉ: "*Chứng cứ vi phạm quy định pháp luật trong quá trình thu thập chứng cứ, những chứng cứ xâm phạm quyền lợi hợp pháp của nghi phạm, bị can*".<sup>(11)</sup> Trong những loại chứng cứ phi pháp cần phải hoàn toàn loại bỏ lời khai phi pháp, bởi vì điều này có lợi cho việc giảm thiểu hoặc phòng tránh hành vi có thể phát sinh như bức cung, xâm phạm quyền lợi của nghi phạm. Đồng thời, điều này cũng nhằm bảo đảm tính chân thực và tính tự nguyện trong lời khai của nghi phạm. Đối với vật chứng phi pháp, về nguyên tắc cũng có thể loại bỏ song trên thực tế so với lời khai phi pháp thì tính chân thực và tính tin cậy của vật chứng cao hơn nên luật có quy định một số trường hợp ngoại lệ. Hiện nay, do phương pháp điều tra hình sự và kỹ thuật điều tra hình sự của Trung Quốc chưa phát triển, năng lực của nhân viên tư pháp không đồng đều nên về vấn đề loại bỏ chứng cứ phi pháp, Trung Quốc nên căn cứ vào tình hình thực tế và các quy định liên quan để sử dụng chứng cứ hợp lí./.

**NGƯỜI DỊCH: TRẦN VĂN ĐÌNH**

(11). Xem: Thôi Tiểu Hồ, "Bàn về quy tắc loại bỏ chứng cứ phi pháp Trung Quốc", báo Pháp luật và xã hội tháng 5 năm 2009, tr. 170.